

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM THỦY  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01/3/2021

*V/v: Tranh chấp ly hôn và  
nuôi con.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Ánh Tuyết.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Tính và bà Trịnh Thị Khanh

*-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST - DS, ngày 28 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST ngày 15/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST ngày 02/02/2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn K sinh năm 1974

Trú tại: Thôn Đ, thị trấn Ph, C, Thanh hoá. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Lê Thị Q sinh năm 1977

Trú tại: Thôn Đ, thị trấn Ph, C, Thanh hoá. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 14/9/2020 và bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh và chị Q kết hôn với nhau vào ngày 20/6/2000. Hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Quê của anh). Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 9/2003 do anh làm ăn thua lỗ, vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn gay gắt, anh bỏ nhà lên sinh sống và làm việc trên huyện

C một mình. Năm 2004 chị Q có tìm đến nơi anh sinh sống và xin ở lại, do thương con nên anh đồng ý cho chị Q ở lại, chị Q ở nhà nội trợ còn anh làm nghề sửa chữa xe ô tô. Trong suốt thời gian từ năm 2004 cho đến nay vợ chồng anh chị không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát nhau chị Q hay dùng những lời lẽ xúc phạm anh dẫn đến ảnh hưởng nặng nề về tinh thần. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Q.

Bị đơn chị Lê Thị Q trình bày: Về quan hệ hôn nhân giữa chị và anh K trình bày ở trên là đúng thực tế. Về mâu thuẫn vợ chồng anh chị sống với nhau hai mươi năm chưa có một mâu thuẫn lớn nào. Những ý kiến anh K trình bày về mâu thuẫn vợ chồng là không đúng thực tế. Vì bản thân chị không hề có lỗi gì, chị luôn vì chồng, vì con, đôi khi vợ chồng có nói to tiếng nhưng xong rồi bỏ qua cho nhau vẫn lo làm ăn bình thường. Mỗi khi anh K đi qua đêm về chị có hỏi nhưng anh K không nói là đi đâu mà còn quát và chửi chị. Nay anh K có đơn xin ly hôn chị không đồng ý, chị muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất hai con chung cháu Nguyễn Tuấn S – sinh ngày 27/12/2000 và cháu Nguyễn Tuấn T – sinh ngày 26/7/2007. Cháu Nguyễn Tuấn S đã đủ tuổi thành niên, anh có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Tuấn T và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Q cũng có nguyện vọng được nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, điều 58 và điều 81, điều 82 và điều 83 – Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho anh K được ly hôn chị Q.

Về con chung: Cháu Nguyễn Tuấn S – sinh ngày 27/12/2000, cháu đã đủ tuổi thành niên nên cháu muốn ở cùng với bố hay mẹ là do nguyện vọng của cháu. Giao cháu Nguyễn Tuấn T – sinh ngày 26/7/2007 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên. Chị Q không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

Về tài sản: Anh K và chị Q không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh K phải chịu án phí DSST.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn K làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với chị Lê Thị Q trú tại: Thôn Đ, thị trấn Ph, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, việc anh K khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Anh K và chị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến xô xát chị Q hay dùng những lời lẽ xúc phạm anh dẫn đến ảnh hưởng nặng nề về tinh thần, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được. Anh K xin ly hôn, chị không đồng ý ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Xét mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, phát triển ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh K được ly hôn chị Q.

[4] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung: Nguyễn Tuấn S – sinh ngày 27/12/2000 và Nguyễn Tuấn T – sinh ngày 26/7/2007. Anh K có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Tuấn T và không yêu cầu chị Q cấp Dưỡng nuôi con chung. Chị Q có nguyện vọng được nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng nuôi con của anh chị là chính đáng. Nhưng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và cháu T cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Cháu S đã đủ tuổi thành niên, cháu muốn ở với ai là tùy nguyện vọng của cháu. Do đó, căn cứ Điều 81 – Luật hôn nhân và gia đình giao cháu T cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ tuổi thành niên là phù hợp. Chị Q không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản: Anh K và chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Anh K phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho anh K được ly hôn chị Q.

Về con chung: Công nhận vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Tuấn S – sinh ngày 27/12/2000 và cháu Nguyễn Tuấn T – sinh ngày 26/7/2007. Cháu S đã đủ tuổi thành niên, cháu muốn ở với ai là tùy nguyện vọng của cháu. Giao cháu T cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ tuổi thành niên, chị Q không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Anh Nguyễn Văn K và chị Lê Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh K phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003387, ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh K đã nộp đủ án phí DSST.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm thủy;
- TAND tỉnh Thanh hoá;
- Chi cục THADS huyện Cẩm thủy;
- UBND thị trấn Ph;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Vũ Thị Ánh Tuyết**

